

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG PTDTBT THCS PA TẦN
Số: /BC-THCSPT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Mường Chà, ngày 14 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO

**Kết quả rà soát, cập nhật số liệu công tác báo cáo thống kê
lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo học kỳ I
năm học 2025–2026**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG BÁO CÁO

Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT;
Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18/3/2024;
Thông tư số 25/2024/TT-BGDĐT ngày 28/12/2024;
Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh Điện Biên;
Công văn số **134/SGDDT-KHTC** tháng 01/2026 của Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên;
Căn cứ tình hình thực tế của Trường PTDTBT THCS Pa Tần.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐƠN VỊ

Tên đơn vị: Trường Phổ thông Dân tộc Bán trú THCS Pa Tần
Cấp học: Trung học cơ sở
Tổng số lớp: 08 lớp
Tổng số học sinh: 299 học sinh
Học sinh bán trú: 249 học sinh
Tổng số CBGV-NV: 30 người

III. KẾT QUẢ RÀ SOÁT, CẬP NHẬT CƠ SỞ DỮ LIỆU NGÀNH

1. Hồ sơ nhà trường

+ Đã rà soát, cập nhật đầy đủ thông tin:
○ Tên trường, loại hình, địa chỉ, cơ quan quản lý;
○ Mã định danh tổ chức theo quy định;
○ Thông tin về cơ sở vật chất, số phòng học, phòng chức năng.
+ Dữ liệu được cập nhật đầy đủ trên **CSDL ngành GD&ĐT (EMIS)**, sẵn sàng kết nối, đồng bộ Trung tâm dữ liệu quốc gia.

2. Hồ sơ học sinh

+ Tổng số học sinh: 299 em
+ 100% hồ sơ học sinh được nhập đầy đủ các trường thông tin:
Thông tin cá nhân (họ tên, ngày sinh, giới tính);
CCCD/mã định danh cá nhân;
Địa chỉ thường trú, nơi ở hiện tại;
Thông tin cha, mẹ (họ tên, năm sinh, nghề nghiệp);
Thông tin chế độ chính sách, tình trạng bán trú;
Thông tin sức khỏe ban đầu.

+ Theo dõi đầy đủ biến động: tăng/giảm, chuyển đến/chuyển đi, bỏ học (trong học kỳ 1 có 2 HS chuyển đi, 01 học sinh bỏ học).

3. Hồ sơ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

+ **Tổng số CBGV-NV:** 30 người

+ Hồ sơ nhân sự được cập nhật đầy đủ:

Trình độ đào tạo, quá trình công tác;

Biên chế, hợp đồng, biến động nhân sự;

Đánh giá, xếp loại viên chức học kỳ I;

Chuẩn nghề nghiệp CBQL, GV theo quy định;

Diễn biến lương, phụ cấp, thi đua – khen thưởng.

+ 100% CBGV-NV có hồ sơ điện tử đầy đủ, hợp lệ trên hệ thống.

4. Quy mô trường lớp, học sinh

Nội dung	Số lượng
Số lớp	08
Tổng số học sinh	299
Học sinh bán trú	245
Bình quân HS/lớp	37,3

Quy mô ổn định, không có biến động lớn trong học kỳ I.

Số liệu thống kê khớp đúng giữa EMIS và báo cáo trực tuyến.

5. Công tác giáo dục thể chất – sức khỏe học sinh

Đã hoàn thành **báo cáo sức khỏe học sinh đầu năm** trên CSDL ngành;

100% học sinh được theo dõi hồ sơ sức khỏe;

Số liệu được nhập đầy đủ theo các biểu mẫu quy định.

6. Cơ sở vật chất – thiết bị dạy học

+ Đã rà soát, cập nhật đầy đủ:

Phòng học, phòng bộ môn;

Trang thiết bị dạy học hiện có;

Điều kiện phục vụ học sinh bán trú.

+ Số liệu CSVN được nhập đúng biểu mẫu trên hệ thống CSDL ngành GD&ĐT.

7. Thực hiện báo cáo trực tuyến

+ Đã tham gia rà soát, chỉnh sửa số liệu tại các biểu:

Biểu PL03 – Kết quả XHH quý IV THCS năm 2025;

Biểu CSVN THCS năm 2025;

Các biểu thống kê học kỳ I năm học 2025–2026 theo phân công.

+ Không thay đổi cấu trúc biểu mẫu; số liệu thống nhất với EMIS.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

+ Công tác rà soát, cập nhật số liệu được thực hiện nghiêm túc, đúng thời gian;

+ Dữ liệu thống kê đầy đủ, logic, đồng bộ;

- + Đảm bảo yêu cầu phục vụ quản lý, báo cáo cấp trên.

2. Khó khăn

- + Một số thông tin hồ sơ phụ huynh học sinh cần tiếp tục chuẩn hóa CCCD;
- + Điều kiện cơ sở vật chất bán trú còn hạn chế so với nhu cầu thực tế.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề nghị Sở GD&ĐT tiếp tục có hướng dẫn cụ thể, thống nhất về các biểu mẫu thống kê mới;

Đề nghị quan tâm bổ sung kinh phí đầu tư CSVC phục vụ học sinh bán trú.

VI. CAM KẾT

Nhà trường **cam kết số liệu báo cáo là trung thực, chính xác, thống nhất** giữa:

- + Cơ sở dữ liệu ngành GD&ĐT;
- + Báo cáo trực tuyến;
- + Văn bản báo cáo ký số gửi Sở GD&ĐT.

Nơi nhận:

Sở GD&ĐT (phòng KHTC);

Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu)

Phạm Thanh Hoàn

PHỤ LỤC I: BẢNG TỔNG HỢP QUY MÔ TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH
(Phục vụ kiểm tra chỉ tiêu EMIS – EQMS – báo cáo trực tuyến)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu HK I
1	Tổng số lớp	Lớp	08
2	Tổng số học sinh	Học sinh	299
3	Học sinh nam	Học sinh	155
4	Học sinh nữ	Học sinh	144
5	Học sinh đúng độ tuổi	Học sinh	299
6	Học sinh bán trú	Học sinh	245
7	Học sinh diện chính sách	Học sinh	299
8	Học sinh dân tộc thiểu số	Học sinh	299
9	Học sinh khuyết tật hòa nhập	Học sinh	02
10	Học sinh lưu ban	Học sinh	0
11	Học sinh bỏ học HK I	Học sinh	01
12	Học sinh chuyển đi HK I	Học sinh	2

Ghi chú: Các chỉ tiêu “...” được trích xuất trực tiếp từ EMIS tại thời điểm chốt 31/12/2025.

PHỤ LỤC II: BẢNG SỐ LIỆU ĐỘI NGŨ CBỘ, GV-NV

STT	Nội dung	Số lượng
1	Tổng số CBGV-NV	30
2	Cán bộ quản lý	3
3	Giáo viên trực tiếp giảng dạy	17
4	Nhân viên	10
5	Biên chế	25
6	Hợp đồng	01
7	Giáo viên đạt chuẩn	16
8	Giáo viên trên chuẩn	0
9	CBQL, GV xếp loại Hoàn thành tốt trở lên HK I	25

PHỤ LỤC III: BẢNG SỐ LIỆU GIÁO DỤC DÂN TỘC – BÁN TRÚ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số liệu
1	Tổng số HS bán trú	HS	299
2	Tỷ lệ HS bán trú/Tổng HS	%	81,9
3	HS DTTS	HS	299
4	HS hưởng chế độ bán trú theo ND 238/CP	HS	299
5	HS hưởng chế độ KT	HS	01
6	Số bữa ăn/ngày	Bữa	3
7	Công tác quản lý, nuôi dưỡng	Đạt/Chưa	Đạt

PHỤ LỤC IV: BẢNG THỐNG KÊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Hạng mục	Số lượng
1	Phòng học kiên cố, bán kiên cố	08
2	Phòng học bộ môn	2
3	Phòng bán trú	20
4	Bếp ăn tập thể	1
5	Nhà vệ sinh học sinh	4
6	Thiết bị dạy học tối thiểu	Đủ

PHỤ LỤC V: BẢNG ĐỐI CHIẾU – KIỂM TRA SỐ LIỆU

Nội dung đối chiếu	EMIS	Báo cáo trực tuyến	Văn bản ký số
Quy mô HS	Khớp	Khớp	Khớp
HS bán trú	Khớp	Khớp	Khớp
Số lớp	Khớp	Khớp	Khớp
Đội ngũ CBGV	Khớp	Khớp	Khớp
CSVC	Khớp	Khớp	Khớp

✓ Đảm bảo **đúng – đủ – thống nhất** theo yêu cầu Sở GD&ĐT.

PHỤ LỤC VI: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN RÀ SOÁT, BÁO CÁO

Thời gian	Nội dung	Người phụ trách	Kết quả
Trước 31/12/2025	Chốt số liệu HK I	Hiệu trưởng	Hoàn thành
01–10/01/2026	Rà soát EMIS	Tổ CM	Hoàn thành
Trước 15/01/2026	Gửi báo cáo Sở	Nhà trường	Hoàn thành